

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày **22/01/2025**

“*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Ba.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Dũng.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoài Đông – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại phòng x án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 408/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58b/2024/QĐXX-TA ngày 16 tháng 12 năm 2024 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2025**, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Long Thị T, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Thôn 2C, xã E, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Vương Văn T1, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn 6D, xã C, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt lần 02 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện ghi ngày 07/10/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Long Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi (T) và ông Vương Văn T1 sau một thời gian tìm hiểu thì có nguyện vọng chung sống, kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã C, huyện EK, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/02/2018, trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán.

Vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không có sự tin tưởng và thông cảm cho nhau, ông T1 hay uống rượu say về đánh đập tôi nhiều lần, không chịu làm ăn kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tôn trọng nhau, không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2020 thì mâu thuẫn gay gắt nên chúng tôi ly thân cho đến nay. Xét thấy, T1 cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên tôi yêu cầu xin ly hôn với ông Vương Văn T1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 01 con chung Vương Thị Phương N, sinh ngày 23/02/2019. Hiện nay, ông T1 làm công nhân, thu nhập ổn định, trong khi tôi không có việc làm, thu nhập không ổn định. Ngoài ra, sau khi ly thân thì con chung Nhi do ông T1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, tôi có nguyện vọng giao con chung Nhi cho ông T1 được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần. Các thủ tục tố tụng được giao hợp lệ cho bị đơn ông Vương Văn T1 nhưng đương sự đều cố T1 vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà Long Thị T được ly hôn với ông Vương Văn T1; Về con chung: giao con chung là Vương Thị Phương N, sinh ngày 23/02/2019 cho ông Vương Văn T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thảo luận đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Long Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Vương Văn T1. Đây là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn ông Vương Văn T1 được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Như vậy, đương sự đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh trước tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Vương Văn T1 là có căn cứ phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét lời khai của đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định: bà Long Thị T và ông Vương Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 02/02/2018 (được cấp giấy chứng nhận kết hôn lưu hồ sơ vụ án) nên hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào biên bản xác minh chính quyền địa phương nơi các đương sự cư trú cơ bản phù hợp với lời khai của nguyên đơn trong quá trình thu thập chứng cứ xác định: bà Long Thị T và ông Vương Văn T1 chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, kéo dài và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, xích mích trong cuộc sống. Như vậy, xét T1 trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T xác định T1 cảm vợ chồng không còn. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Long Thị T là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Theo kết quả xác minh và lời trình bày của nguyên đơn nhận thấy: hiện nay, ông T1 đang làm công nhân, thu nhập ổn định, trong khi bà T không có việc làm ổn định. Ngoài ra, sau khi ly thân thì con chung Vương Thị Phương N do ông T1 nuôi dưỡng, ổn định cuộc sống. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn bà T giao con chung Vương Thị Phương N, sinh ngày 23/02/2019 cho ông T1 được trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với các Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[4] *Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Bà Long Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, bà T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi

ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không kê khai. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 tiêu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn bà Long Thị T phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do bà Lương Thị A nộp thay theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000710 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 tiêu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Tuyên xử bà Long Thị T được ly hôn với ông Vương Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung Vương Thị Phương N, sinh ngày 23/02/2019 cho ông Vương Văn T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung Nhi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Bà Long Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, bà T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Long Thị T phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do bà Lương Thị A nộp thay theo biên lai thu tiền tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000710 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thu Ba

